

BÁO CÁO CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024

| STT | Nội dung thu                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Mức thu | Thời gian thu (theo tháng/theo học kỳ..) | Ghi chú                                                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| I   | CÁC KHOẢN THỎA THUẬN                                                                                                                                                                                      |             |         |                                          |                                                         |
| 1   | Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày                                                                                                                                                                                 | tháng       | 300.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 2   | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài Khối 10,11 ( AVBN )                                                                                                                                       | tháng       | 200.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
|     | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài Khối 12- HKI ( AVBN )                                                                                                                                     | tháng       | 100.000 | 4.5 tháng                                | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
|     | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài đối với các lớp 10A1 - 10A6; 11A1 - 11A6 ( AVBN )                                                                                                         | tháng       | 300.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 3   | Tiền tổ chức dạy Tiếng anh tăng cường Khối 10, 11, 12                                                                                                                                                     | tháng       | 200.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 4   | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP. HCM theo định hướng chuẩn quốc tế . Giai đoạn 2021-2030) ( Tin học MOS) K 10, K 11 | tháng       | 120.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 5   | Tiền tổ chức dạy Stem (bắt đầu học từ HKII)                                                                                                                                                               | tháng       | 200.000 | 4 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 6   | Tiền tổ chức Thể thao tự chọn (Bóng đá; Cầu lông, Bóng rổ; Bóng chuyền) Khối 10 - HKII                                                                                                                    | tháng       | 150.000 | 4.5 tháng                                | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
|     | Tiền tổ chức Thể thao tự chọn (Bóng đá; Cầu lông, Bóng rổ; Bóng chuyền) Khối 11                                                                                                                           | tháng       | 150.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 7   | Tiền tổ chức Bơi Khối 10- HKI                                                                                                                                                                             | tháng       | 180.000 | 4.5 tháng                                | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 8   | Tiền tổ chức dạy tin học tự chọn- đối với các lớp học môn tin học K 10, K 11                                                                                                                              | tháng       | 50.000  | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 9   | Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú                                                                                                                                                               | tháng       | 250.000 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |
| 10  | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú                                                                                                                                                  | năm học     | 200.000 | năm học                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 |

| STT | Nội dung thu                                                                | Đơn vị tính | Mức thu | Thời gian thu (theo tháng/theo học kỳ..) | Ghi chú                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|---------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| II  | CÁC KHOẢN THU HỘ                                                            |             |         |                                          |                                                           |
| 1   | Tiền học phẩm                                                               | năm học     | 50.000  | năm học                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 2   | Tiền suất ăn trưa bán trú                                                   | suất        | 33.000  | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 3   | Tiền sử dụng máy lạnh ngủ bán trú ( tiền điện, bảo dưỡng máy lạnh bán trú ) | tháng       | 35.000  | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 4   | Tiền khám sức khoẻ học sinh ban đầu                                         | năm học     | 50.000  | năm học                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 5   | Bảo hiểm y tế Khó 12                                                        | 9 tháng     | 510.300 | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: HDLT số 4103/HDLS/BHXH/GDDĐT ngày 01/8/2021 |
|     | Bảo hiểm y tế Khó 10, 11                                                    | năm học     | 680.400 | 12 tháng                                 |                                                           |
| 6   | Bảo hiểm tai nạn học sinh KHỎI 10 (T9/2023-31/12/2024)                      | năm học     | 65.000  | 15 tháng                                 | tự nguyện                                                 |
|     | Bảo hiểm tai nạn học sinh KHỎI 11, 12                                       | năm học     | 45.000  | 12 tháng                                 |                                                           |
| 7   | Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh                          | tháng       | 35.000  | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 8   | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số                        | tháng       | 25.000  | 9 tháng                                  | Hướng dẫn số: Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023   |
| 9   | Tiền xe đưa đón học sinh đi Bơi K10                                         | HK          | 150.000 | HKI                                      |                                                           |

Lưu ý: Nội dung các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu; cơ chế quản lý thu chi đối với các hoạt động phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Kế toán

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Kiều Oanh

Lê Thanh Hiểu